

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG HOÀNG GIA HOMELAND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG HOÀNG GIA HOMELAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG GIA HOMELAND INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109409898

3. Ngày thành lập: 09/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 47 phố Nguyễn Khắc Hiếu, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0327639660

Fax:

Email: bdsdtht.hoanggia@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác;	3900
2.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
3.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
5.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
6.	Xây dựng công trình điện	4221
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng cây dược liệu.	0118
11.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: Trồng cây dược liệu.	0128

12.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển.	7730
13.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
16.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
17.	Xây dựng nhà để ở	4101
18.	Xây dựng nhà không để ở	4102
19.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
20.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22.	Xây dựng công trình thủy	4291
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
24.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
25.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn. - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.	5510
26.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
27.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
30.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
32.	Thu gom rác thải độc hại	3812
33.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. + Lò sưởi và điều hòa nhiệt độ	4329
34.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Phá dỡ	4311
37.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

38.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
39.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Môi giới bất động sản	6820
40.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
41.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm	7810
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
44.	Cho thuê xe có động cơ	7710
45.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
46.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
47.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
48.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
49.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
50.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa;	4610
52.	Bán mô tô, xe máy	4541
53.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn dầu thô; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;	4661
54.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
55.	Bốc xếp hàng hóa	5224
56.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ vàng miếng)	4789

57.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
59.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
60.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
61.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
62.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
65.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;	4649
66.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt thép	4662
67.	Đúc kim loại màu	2432
68.	Đúc sắt, thép	2431
69.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
70.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
71.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
72.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
73.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
74.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
75.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
77.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn chuyên doanh khác bao gồm: Bán buôn hóa chất công nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm)	4669
78.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
79.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
80.	Bán buôn thực phẩm	4632
81.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
82.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
83.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
84.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
85.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
86.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

87.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ lương thực , thực phẩm lưu động hoặc tại chợ	4781
88.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
89.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
90.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
91.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
92.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
93.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
94.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
95.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
96.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
97.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
98.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
99.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
100.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
101.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
102.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chông ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
103.	Giáo dục nhà trẻ	8511
104.	Giáo dục mẫu giáo	8512

6. Vốn điều lệ: 131.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HOÀNG GIA	Số 47, phố Nguyễn Khắc Hiếu, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	7.860.000	78.600.000.000	60,000	0104683953	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	7.860.000	78.600.000.000	60,000		
2	BÙI MINH HIỆU	Tổ 15, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	655.000	6.550.000.000	5,000	030087001417	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	655.000	6.550.000.000	5,000		

3	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	29 Trương Định, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.965.000	19.650.000.000	15,000	012987265
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.965.000	19.650.000.000	15,000	
4	TÔN QUỐC BÌNH	TT Viện Hóa, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	655.000	6.550.000.000	5,000	024071000027
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	655.000	6.550.000.000	5,000	
5	BÙI MINH TIỀN	Tổ 15, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	982.500	9.825.000.000	7,500	033052001241
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	982.500	9.825.000.000	7,500	

6	TÔN NỮ THU HÀ	P314 TT. Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	982.500	9.825.000.000	7,500	001168001181
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	982.500	9.825.000.000	7,500	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TÔN NỮ THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 14/07/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001168001181

Ngày cấp: 08/08/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P314 TT. Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 15 ngõ 118 đường Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội